

VÀI NÉT VỀ TƯ TƯỞNG VÔ THỨC TRONG PHÂN TÂM HỌC CỦA SIGMUND FREUD

Phan Thị Hiền^(*)

^(*) Tiến sĩ, Trường Đại học Công Thương Tp. Hồ Chí Minh.

Email: hienphan98@yahoo.com

Tóm tắt: Phân tâm học của Sigmund Freud (1856 - 1939), đỉnh cao của “khám phá vô thức”, với chủ trương “đi vào miền sâu thẳm nội tâm” tìm hiểu “sự nổi loạn nơi cá tính”, khi tâm lý con người bị dồn nén, bị tổn thương bởi những điều kiện phức tạp của xã hội, của hoàn cảnh bên ngoài. Freud đã kế thừa có chọn lọc các quan điểm và học thuyết của các nhà triết học, khoa học để vực dậy sự khủng hoảng tâm lý học trong xã hội châu Âu giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX, nửa đầu thế kỷ XX; đặc biệt là chủ nghĩa phi duy lý của Schopenhauer: triết học quay trở về với thế giới nội tâm của mình, tìm tòi bản tính thật sự của con người và thế giới; sự bùng nổ mạnh mẽ tư tưởng chống đề nết tính dục trong xã hội khổ hạnh, với hàng loạt nghiên cứu về bệnh tính dục, tính dục trẻ em và ảnh hưởng của những dồn nén ham muốn tính dục đến sức khỏe tinh thần và thể chất. Thông qua việc theo dõi thường xuyên những thay đổi tâm lý của người bệnh, xác định nguyên nhân của những dồn nén, bùng nổ xúc cảm, ông chủ trương chữa trị người bệnh bằng liệu pháp tâm lý, chạm tới chiều sâu tâm hồn, điều mà tâm lý học trước đó rất ít hoặc chưa từng biết tới.

Từ khóa: phân tâm học, bản năng tính dục, rối loạn tâm thần.

Ngày nhận bài: 20/10/2023; ngày phản biện: 21/10/2023; ngày sửa chữa: 21/11/2023; ngày duyệt đăng: 15/01/2024.

1. Vô thức - cái tồn tại người

Nếu hình dung bộ máy tư duy của con người như một tảng băng trôi, thì phần nổi nhìn thấy được trên mặt nước là ý thức, “là phẩm chất thể hiện tính người” (Đinh Ngọc Thạch 2019: 76), chỉ chiếm một lượng quá ít của tảng băng; phần chìm dưới nước không nhìn thấy chiếm lượng vô cùng lớn là vô thức; phần rất nhỏ nằm giáp ranh giữa

vô thức và ý thức nhưng vẫn chìm dưới nước là tiền ý thức. Tiền thức là tầng tâm lý lúc này chưa được biết tới, nhưng có thể xuất hiện trước ý thức trong những trường hợp cụ thể, còn ý thức chỉ là một thứ bậc đặc biệt vượt lên vô thức, nghĩa là chỉ khi nào chúng ta biết cách chế ngự vô thức, thì lúc đó ý thức mới trở nên thắng thế. Trong khi đó, vô thức như một thế lực ngầm núp

trong bóng tối, một cái tôi khác cùng hiện hữu với cái tôi có ý thức trong con người, che giấu dục vọng bị dồn nén. Những ký ức, suy nghĩ, cảm xúc và thông tin đau đớn, hổ thẹn, tội lỗi đối với chúng ta trong ý thức sẽ được lưu trữ ở một cái kho khổng lồ nơi vùng sâu thẳm (Đinh Ngọc Thạch 2019: 76)

Về bản chất, vô thức là tất cả những nội dung bị loại khỏi ý thức, nơi tâm hồn ẩn chứa những cảm nghĩ bị “quên lãng”, những ý tưởng bị chôn chặt. Đó có thể là những ước muốn chưa được thỏa mãn, những tổn thương cảm xúc trong quá khứ, những lo sợ, né tránh thực tại hay những thúc đẩy của bản năng. Dưới tác động của môi trường sống, những ranh giới của văn hóa và đạo đức, tất cả những yếu tố trên bị chủ thể loại bỏ khỏi tâm trí hay bị lên án khiến chúng không thể tồn tại trong ý thức.

Vô thức là nơi tàng trữ các bản năng, trong đó bản năng dục tính là cốt lõi. Những bản năng này chất chứa những năng lượng tâm lý hết sức mãnh liệt, luôn luôn hướng ra ngoài để tìm cách thể thể, để được thỏa mãn.

Có thể hiểu nhân cách con người như là cuộc chiến giữa hai thái cực: ý thức và vô thức, tạo nên tính cách đầy mâu thuẫn của cá nhân. Trong cuộc chiến cam go và dai dẳng ấy, vô thức nổi lên với vai trò trung tâm, xuyên suốt và chi phối, định

hướng mọi hành vi của con người. Freud khẳng định: “tất cả các hiện tượng tâm thần của con người về bản chất là hiện tượng vô thức” (Freud 2002: 8) Phần lớn tâm lý con người được ẩn giấu trong cõi vô thức. Bên dưới lớp vỏ nguy tạo ấy, những tâm tư, khát vọng thầm kín và cả những mục đích mà một cá nhân đã không những giấu kín người khác mà còn tự che giấu, “lừa dối” ngay chính bản thân mình nữa. Cho nên, hiểu được cái thầm kín bí mật sâu xa này, chúng ta hiểu được bản chất nội tâm của con người (Freud 2002: 8)

Freud diễn tả sự xung đột giữa vô thức - ý thức với ba đối thủ - ba nhân vật chính cùng tham gia vào cuộc chiến là *cái ấy*, *cái tôi* và *cái siêu tôi* tạo nên một cảnh tượng chiến trường hết sức hỗn loạn, cho thấy thế giới nội tâm của con người vô cùng phức tạp, bí ẩn và đầy mâu thuẫn. Trong đó, *cái ấy* hay *tự ngã* (Id) đại diện cho vô thức và cũng chính là vô thức, thuộc bản năng tự nhiên, nằm trong khu vực “tăm tối”, tầng sâu nhất nơi tâm hồn con người, là phần chìm của tảng băng trôi. Đó là những ham muốn - chủ yếu là ham muốn tính dục (libido) - xung năng - năng lượng nguyên thủy của sự sống, được hình thành từ lúc con người mới sinh ra. Freud gọi vô thức là bể chứa các xung năng và xung năng tính dục là xung năng quan trọng nhất cung

cấp năng lượng cho mọi hoạt động tâm thần của con người. Mọi hành động của nó đều dựa trên nguyên tắc khoái lạc (pleasure principle), với mục đích độc nhất là nhằm thỏa mãn ham muốn của sinh lý tự nhiên, trong đó “...như cầu thỏa mãn ham muốn mang nội dung tình dục” (Phạm Minh Lăng 2000: 183). Nó hành động một cách mù quáng, chẳng cần đếm xỉa đến giá trị thiện - ác, bất chấp hậu quả và các chuẩn mực đạo đức (Freud 2002: 205). Song, với bản chất đam mê lạc thú thể xác mãnh liệt cùng khuynh hướng chống đối xã hội một cách cực đoan, *cái ấy* chẳng sớm thì muộn không những hủy hoại cái khác mà còn tự hủy hoại chính mình. Và, vì trong quá trình phát triển của cá nhân, do sự “đụng chạm” liên tục với thế giới bên ngoài nên một phần *cái ấy* biến thể để thích nghi với những đòi hỏi dẫn đến sự xuất hiện của *cái tôi*.

Cái tôi hay *bản ngã* (ego) - “phần sáng” trong tâm hồn, khâu trung gian giữa bản năng và thế giới bên ngoài, tượng trưng cho phần ý thức và ý chí của cá nhân (Đinh Ngọc Thạch 2019: 76). Trong quan hệ với *cái ấy*, *cái tôi* có nhiệm vụ chống lại những đòi hỏi mà *cái ấy* luôn tìm cách đòi hỏi và quyết định những đòi hỏi nào được thỏa mãn, những đòi hỏi nào sẽ bị trì hoãn đến một thời điểm thích hợp và những đòi hỏi nào cần

phải xóa bỏ. Sự phát triển của *cái tôi*, như vậy, là hệ quả của việc con người có nhu cầu kiểm chế *cái ấy* trong phạm vi phù hợp những đòi hỏi của môi trường xung quanh; nó bắt buộc cá nhân kiểm soát hành vi, kìm chế xung đột và chế ngự những bản năng lệch chuẩn. Chính *cái tôi* giúp con người tự chủ trước các tác động của ngoại cảnh. Qua sự tương tác bên ngoài, nó tìm thấy sức mạnh của mình trong *cái siêu ngã*.

Siêu ngã hay *siêu tôi* (Super - ego), cái - vượt lên - tôi, khu vực “ngoài tầm” ý thức cá nhân, xuất hiện do sự bất lực của ý thức trong việc ngăn chặn những cơn bùng nổ vô thức (Đinh Ngọc Thạch 2019: 76). *Siêu ngã* thể hiện lương tri của chúng ta. Đó là các giá trị đạo đức về đúng - sai, phải - trái, cái vinh - cái nhục, cái cao thượng và cái thấp hèn, mà chủ yếu được thấm dần vào chúng ta từ bố mẹ, thầy cô và xã hội. Bản chất của *siêu ngã* là lương tâm và *cái tôi* lý tưởng (Freud 2002: 9). Nó được hình thành thông qua quá trình thưởng và phạt. Nó khiến chúng ta cảm thấy tội lỗi, dằn vặt lương tâm mỗi khi làm một điều sai trái. Và không chỉ kiểm soát hành vi, *siêu ngã* còn kiểm soát cả suy nghĩ của *cái tôi* vì đối với nó, tư duy cũng xấu như hành động. Nhờ thế, nó giúp chúng ta hoàn thiện mình hơn và sống theo những chế ước của cộng đồng.

Đương nhiên, với bản tính gây hấn, thống trị cố hữu của mình, vô thức chẳng bao giờ chịu “nằm yên”. Tuy bị đẩy lùi trước sức ép của ngoại giới, nó vẫn giữ nguyên sức mạnh. Nó như một thứ khí nén, càng nén, phản lực càng mạnh, càng muốn bung ra. Khi bị đe dọa, bị lên án, bị cấm đoán từ các thế lực bên ngoài, chủ thể ham muốn (*cái ấy*) bị dồn nén cảm xúc và chuyển đổi trạng thái từ tấn công sang phòng thủ. Freud coi ngủ mơ là biểu hiện rõ ràng nhất của bản năng vô thức của con người khi bị dồn nén. Theo Freud, giấc mơ không là gì ngoài sự trá hình một ham muốn, thường là ham muốn tính dục, mà khi thức cá nhân không thể thực hiện được. Giấc mơ với tư cách một cơ chế bảo vệ nhằm giúp một người tránh khỏi sự xung đột đó mà vẫn đạt được sự mong muốn. Ông nói: “sự biến dạng trong giấc mơ chỉ là kết quả của sự kiểm duyệt mà cái tôi của chúng ta làm đối với những khuynh hướng hay ham muốn thường xuất hiện ban đêm trong giấc ngủ” (Phạm Minh Lăng 2000: 112). Tất cả những ham muốn vô thức của chủ thể thực chất chỉ là những ham muốn tính dục mà người nằm mơ không có cơ hội thực hiện nó khi tỉnh thức. Ông nhấn mạnh: “... trong các phạm vi khác những liên quan tượng trưng này không hoàn toàn thuộc về tính dục, trong khi giấc mơ thì lại hoàn toàn

thuộc về tính dục” (Phạm Minh Lăng 2000: 117).

Giấc mơ, do đó, có vai trò đặc biệt quan trọng, vì nó có thể thỏa mãn một phần các nhu cầu vô thức trong khi vẫn duy trì được những chuẩn mực của văn hóa, đạo đức. Freud quan niệm, tất cả mọi người dù tốt hay xấu đều có bản năng dã thú biểu lộ ra trong giấc ngủ, những ham muốn bản năng làm cho giấc ngủ không yên (Phạm Minh Lăng 2000: 114). Song, vì vô thức hành động cả khi hiện thực không tồn tại, nên có thể thỏa mãn đòi hỏi của nó một cách tượng trưng. Trong cuốn sách viết về giấc mơ, xuất bản năm 1901, Freud cho rằng trong vô thức con người luôn chứa đựng những khao khát, những ham muốn vốn bị cấm kỵ, và để tránh những mối đe dọa từ bên ngoài nên con người đã đưa mong muốn đó vào giấc mơ. Giấc mơ chỉ xuất hiện trong lúc ngủ, đó là những gì còn sót lại trong ngày, trong đời sống bên ngoài vào những lúc thức (Phạm Minh Lăng 2004: 86).

Giấc mơ chính là biểu hiện của sự dồn nén cảm xúc. Theo Freud, con người thường gặp phải chứng lo âu (anxiety), đó là cảm giác gây căng thẳng và mất thăng bằng trong cuộc sống. Để giải quyết vấn đề này, tâm lý của chúng ta đã tạo nên cơ chế phòng thủ để đối phó với nó. Cơ chế phòng

thủ bao gồm: sự dồn nén (cách giữ thông tin không đi vào vùng nhận thức của tâm trí, nhưng những thông tin này không mất đi mà sẽ tiếp tục tác động đến hành vi của chúng ta trong tương lai), sự phóng ngoại nội tâm (đánh giá, xét đoán đối tượng bằng những ý nghĩ mang tính chủ quan), sự chối bỏ (không muốn nhìn nhận một sự thật đau lòng), sự hợp lí hóa (cơ chế giải thích cho hành vi của bản thân bằng cách đưa ra những “lời bào chữa” để chấp nhận hơn so với thực tế), chuyển dịch (trút nỗi bức dọc, những cảm xúc bị đè nén lên những sự vật ít có khả năng đe dọa đến bản thân), sự thăng hoa (tương tự như chuyển dịch, nhưng là một phiên bản tích cực. Chẳng hạn, khi tức giận, thay vì đâm vào đối tượng, ta đâm vào một vật nào đó), tri thức hóa (cách giảm thiểu lo âu bằng việc loại bỏ khía cạnh cảm xúc, thay bằng suy nghĩ lý trí và đặt nặng tính chuyên môn)... (Feldman 2003: 478). Dồn nén là một trong những cơ chế phòng thủ, khi một nhu cầu bản năng không thực hiện được hay không được chấp nhận nó sẽ được đẩy vào vô thức. “Dồn nén là một phương thức trực tiếp nhất nhằm giải quyết tình trạng lo âu, thay vì phải giải quyết một xung động gây ra tình trạng lo âu ở bình diện ý thức, người ta chỉ việc phớt lờ nó đi” (Feldman 2003: 479).

Như vậy, toàn bộ hoạt động của con người đều chịu sự chi phối của bản năng, trong đó bản năng “khát dục” là cốt lõi (Freud 2002: 237). Đời sống tính dục bắt đầu từ lúc đứa trẻ mới sinh ra. Khi lớn lên, cá nhân ấy nhận thức rất rõ về hiểm nguy mình phải đối diện nếu bản năng được tự do, và “để được yên thân”, anh ta buộc phải nhả toàn bộ những ham muốn kia vào “vực sâu thẳm” của cõi vô thức, nhưng nó không biến mất; nó vẫn sống và chờ thời cơ để quậy phá, để phô diễn. Tính dục có mặt ở mọi nơi, thâm nhập vào tất cả các ngõ ngách trong đời sống cá nhân của mỗi người khi thức cũng như lúc ngủ, khi hoạt động cũng như lúc nghỉ ngơi. Nơi trẻ thơ cũng là nơi người đời: ở trẻ nhỏ, dục tính bộc lộ một cách hồn nhiên, ngây ngô, thô thiển; ở người lớn, nó được che đậy, được ngụy trang dưới những hình thức “mang vẻ văn hóa” hơn, kín đáo hơn. Những tội ác đủ các thể loại (bạo lực, bạo lực tình dục, tham nhũng, giết người...) ở người lớn là sự thoái lui (ám ảnh) về những năm tháng tuổi ấu thơ với những ham muốn tính dục bị cấm kỵ.

Một đời sống tâm lý bình thường là sự quân bình giữa những thể lực đối lập; dục năng được thỏa mãn trong chừng mực cho phép của đạo đức của xã hội; nếu nó vượt qua sự kiểm soát của đạo đức, tội lỗi sẽ diễn ra, và tiếp

theo là sự phán xét, trừng phạt; trong trường hợp lương tâm chiến thắng, bản năng bị vùi dập thì hậu quả sẽ thật nặng nề - con người rơi vào trạng thái bệnh lý, tâm bệnh.

2. Mặc cảm Oedipus và chứng rối loạn tâm thần

Các bệnh tâm thần, không chứa một bệnh nào đều là những rối loạn của đời sống sinh lý, vì xã hội buộc mỗi con người phải kiềm chế nhiều ham muốn. Thông thường thì ý thức con người vẫn thành công trong việc ngăn trở, không cho “những sức mạnh vô thức đen tối” bị dồn nén kia xuất hiện. Nhưng sự kiểm soát ấy có thể làm cho những cơn bệnh tâm thần trải qua những giai đoạn xúc cảm bị rối loạn sâu xa (Freud 2002: 10).

Dồn nén hay vô thức là căn nguyên của mặc cảm Oedipus. Cụm từ “Mặc cảm Oedipus” được Freud rút ra từ câu chuyện thần thoại Oedipus làm vua của nhà viết kịch Sophocle của Hy Lạp Cổ đại, trong câu chuyện đó thì vua Thành Thebes đã giết cha và lấy mẹ mình và sau đó vì quá xấu hổ đã chọc mù mắt mình và bỏ đi. Bản chất của mặc cảm Oedipus, theo quan niệm của Freud chính là việc đưa trẻ vào giai đoạn dương vật (phallus stage) của sự phát triển tâm sinh dục (khoảng 6 tuổi) đã có ý muốn quan hệ tính dục với người cha hoặc mẹ khác giới và ước muốn giết người cha

hay người mẹ cùng giới. Ông khẳng định: “nguyên do vẫn nằm trong sự cạnh tranh về đời sống tình dục. Ngay từ khi còn rất nhỏ, đối với người mẹ đứa bé đã có một lòng yêu đặc biệt: cho rằng mẹ là của riêng mình và người cha thường bị coi như một người cạnh tranh, luôn luôn xâm phạm đến của riêng nó, đối với trẻ em gái cũng thế, coi mẹ như là người cạnh tranh tình yêu của nó đối với người cha” (Phạm Minh Lăng 2000: 126).

Trong sự phân tích của Freud, mặc cảm không phải chỉ hàm nghĩa cái xấu. Về khía cạnh tích cực, mặc cảm Oedipus ở trẻ con không những là cơ sở của sự phát triển cá nhân sau này, mà còn là cội nguồn của lịch sử, của sự sáng tạo văn hóa và văn minh; Freud nói: “lịch sử của nhân loại là lịch sử của bản năng bị áp chế, xã hội văn minh bắt nguồn từ sự áp chế bản năng, dục vọng và... của sự thăng hoa vô thức” (Lưu Phóng Đồng 1994: 18). Cũng theo ông, những sáng tạo của con người là sự thỏa mãn trong tưởng tượng các ham muốn vô thức. Sáng tạo nghệ thuật chẳng qua chỉ là sự thăng hoa của những uẩn ức trong tâm hồn, sự dồn nén của vô thức. Nó là sự chuyển dịch từ nguyên lý khoái lạc trong tinh thần sang nguyên lý thực tế nhằm cho phép thay thế khoái cảm bản năng phải từ bỏ trong đời sống hàng ngày, ông quan niệm: nghệ thuật đạt tới sự hòa giải

theo một con đường độc đáo... Bị thúc đẩy bởi những thèm khát ghê gớm, nghệ sĩ muốn danh giá, thanh thế, của cải, vinh quang và tình yêu khác giới, nhưng nó không đủ phương tiện để thỏa mãn những dục vọng [khát dục] này. Vì vậy, như những người bất mãn, nó rời bỏ thực tế về trí tưởng tượng phóng túng, nó chuyển toàn bộ libido và hào hứng của mình vào những hình ảnh mà nó ham muốn (Phuong Lự 2007: 280).

Freud dùng thuật từ “libido” để diễn tả tình yêu tính dục mãnh liệt, coi đó là những ham thích đầu tiên của con người. Ngay từ khi chúng ta vừa chào đời, cái khả năng đạt được khoái cảm tính dục đã xuất hiện. Tuy nhiên, ta không nên dừng lại ở việc hiểu “tính dục” theo nghĩa hẹp của nó, mà phải mở rộng ra theo nghĩa đó là nhu cầu có tính bản năng như: ăn, uống, ngủ, nghỉ, tiền tài, quyền uy, danh vọng, v.v.. (Feldman 2003: 475); và những cảm xúc khoái lạc đem đến từ hệ thống da người, mà từ trẻ em sơ sinh cho đến người lớn, chúng ta luôn tỏ ra thích thú với những va chạm như vuốt ve, xoa bóp, nụ hôn,... Tất cả các bản năng này có ý nghĩa căn bản trong sự quyết định tiến trình đời sống cá nhân mỗi con người, trong đó bản năng tính dục là loại bản năng hoang sơ nhất và quan trọng nhất. Song, khi sự phát triển của khuynh hướng tính dục vượt tầm kiểm soát gây

ra xung đột mang tính đe dọa sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng về mặt tâm thần. Do đó, mỗi khi con người được thỏa mãn trọn vẹn và không còn bị ức chế bởi ham muốn bản năng thì chúng ta không còn tìm thấy hạnh phúc thực sự, và thường mắc những triệu chứng của căn bệnh thần kinh, đó là những cảm giác đau buồn, lo sợ, bất an, tâm trí mất thăng bằng, căng thẳng, v.v..

Freud phân chia quá trình hình thành nhân cách con người tương ứng với 5 giai đoạn của “tâm sinh dục), được quyết định bởi sự phát triển bản năng vô thức của tuổi ấu thơ: từ 0 - 12 tháng tuổi; từ 1.5 - 3 tuổi; từ 3 - 6 tuổi; từ 6 - 12 tuổi; sau 12 tuổi (Đinh Ngọc Thạch 2019: 78). Ở từng giai đoạn, nếu em bé gặp những chướng ngại trong việc thành thực những nhiệm vụ của mình, nó sẽ hằn dấu ấn và lưu lại trong tiềm thức của các em, gây ảnh hưởng đến quá trình hình thành cá tính của một cá nhân sau này.

Chẳng hạn, ở giai đoạn đầu, khi vùng kích thích khoái cảm tập trung ở miệng, đứa trẻ tìm thấy cảm giác khoan khoái, dễ chịu qua những hoạt động ăn, uống, bú mút. Vì thế, khi một em bé không được cho bú sữa đầy đủ hoặc bị bỏ đói, khát nước, hoặc được cai sữa quá sớm, em bé sẽ có những cá tính liên quan đến miệng như ăn vặt, nói chuyện nhiều, hay tắc lưỡi, hay nhổ nước miếng, thích

cần cầu người khác; lớn lên thường là người có khuynh hướng tham lam, ăn nói thiếu trách nhiệm,..., gây tổn hại đến người khác.

Đến giai đoạn hậu môn (từ 1 đến 3 tuổi), trẻ sẽ phải học cách kiểm soát nhu cầu của cơ thể và tính độc lập cũng bắt đầu được hình thành. Ở giai đoạn này, tính cách của đứa trẻ sẽ phụ thuộc vào việc cha mẹ dạy chúng về hoạt động vệ sinh. Nếu cha mẹ nào hay khen thưởng trẻ khi trẻ đi vệ sinh đúng theo từng mốc thời gian phù hợp sẽ đưa đến hiệu quả tích cực và giúp trẻ cảm thấy mình có khả năng và trở thành người hữu ích. Song, nếu cha mẹ tỏ vẻ thất vọng thái quá, trách móc, trừng phạt trẻ khi bé làm sai, đứa trẻ ấy sẽ trở thành người lộn xộn thiếu ngăn nắp, luộm thuộm và rất xuề xòa, cầu thả, bừa bãi. Lớn lên, nó có khuynh hướng là người độc ác, thích bạo lực, phá hoại, xâm phạm tài sản của công. Trường hợp bậc cha mẹ nôn nóng thúc ép các em trong việc thôi sử dụng tã quá sớm và yêu cầu các em phải chủ động trong việc đi vệ sinh; chửi mắng, bêu riếu trẻ khi bé không thực hiện được theo yêu cầu, lớn lên cá nhân ấy thường có tính cách tằn tiện, dè sẻn, rất sạch sẽ, cầu toàn, gia trưởng, độc đoán, và keo kiệt.

Đặc biệt, khuynh hướng tính dục phát triển mạnh nhất ở giai đoạn dương vật

(3 - 6 tuổi), đánh dấu bước quyết định trong tiến trình phát triển nhân cách của con người, và sự mặc cảm Oedipus cũng được thể hiện rõ ràng nhất trong giai đoạn dương vật này (Roberts 2004: 477). Freud cho rằng các trẻ nam phát triển mối quan tâm tình dục vào mẹ chúng, bắt đầu xem cha chúng như kẻ thù, và ấp ủ ước muốn giết cha – giống như Oedipus đã làm trong bi kịch Hy Lạp Cổ đại. Ngoài ra, các cậu bé còn phát hiện ra mình có một dương vật trong khi các bé gái không có, và chúng nghi ngờ có thể các bé nữ mất dương vật là do đã bị cắt. Lúc này, chúng sinh ra lo sợ bị trả đũa dưới dạng “nỗi lo bị thiến” bởi chính người cha ruột của mình (Roberts 2004: 477). Nỗi sợ hãi này cuối cùng mạnh đến mức đè nén được các khát khao đối với mẹ chúng, và thay vào đó bằng cách đồng hóa (Identification) với người cha, cố bắt chước hành vi của ông càng nhiều càng tốt. Bằng cách này, trẻ đi đến việc tiếp nhận vai trò giới tính của mình, và phải nhận dạng như một nam giới.

Tương tự, các bé gái cũng bắt đầu bằng việc giành tình cảm với mẹ mình, thù nghịch với mẹ, ao ước được sinh con với cha, và ghen tị vì mình không có dương vật khi bé phát hiện ra có sự khác biệt giữa cơ thể mình với các bé nam. Các bé cũng hiểu rằng phải có cha với mẹ thì mới sinh ra em bé được, thế là các

em hướng mỗi quan tâm tính dục đến người cha (Roberts 2004: 477). Nhưng, chúng biết rõ cha chúng đã có mẹ, chúng phải tìm cách thay thế cha bằng các bé nam khác và đồng hóa với mẹ mình bằng cách cư xử giống mẹ, chấp nhận giá trị và thái độ của bà mẹ. Theo cách này, hiện tượng đồng hóa với bà mẹ của các bé gái đã hoàn tất.

Tâm lý học của Freud cho thấy đời sống tính dục của trẻ hết sức đa dạng, phong phú. Theo đó, trẻ con là một kẻ “đòi truy đa hình thức” (un pervers polymorphe). Tất cả những thứ lỗ trên người (miệng, mũi, tai, hậu môn...) đều được chúng dùng để thỏa mãn dục tính. Các trò hôn, hít, bú, mớm, mút, sờ ti,..., đều có mục đích thỏa mãn nhu cầu này từ thửa mới ra đời. Freud lưu ý thêm, nhân cách của chúng ta đặc biệt chịu ảnh hưởng trong thời gian phát triển bộ phận sinh dục. Nếu một bé nam bị mẹ em ruồng bỏ và bị đối xử hà khắc bởi người cha, khi lớn lên em sẽ phát triển thành một người có tâm trạng yếm thế. Người như thế sẽ dễ co cụm trong sinh hoạt tính dục với người khác phái. Các bé trai này có thể là người đam mê đọc sách, hoặc cố tình tạo ra vẻ mình là người ga lăng với nữ giới. Nếu các bé gái bị cha mình xa lánh và bị mẹ mình làm cho sợ sệt, khi lớn lên các bé gái này sẽ có khuynh hướng không đủ tự tin vào bản thân, là

người nhút nhát và thường là những cô gái đồng đánh. Nhưng nếu một bé trai được chiều chuộng quá mức bởi người mẹ lại được thương mến bởi một người cha hiền lành nhu nhược, lớn lên bé sẽ gặp nhiều khó khăn khi hội nhập vào thế giới người lớn vì không ai yêu thương chàng trai ấy như bố mẹ của anh ta. Nếu một bé gái được nuôi dưỡng bởi một người cha chiều chuộng vô độ và một người mẹ quá dễ dãi, bé gái ấy sẽ dễ trở thành với một cá tính tiểu thư, ích kỷ.

Rõ ràng, tâm lý con người chịu ảnh hưởng bởi các kinh nghiệm tuổi thơ, bị chi phối bởi vô thức - bản năng tính dục và những thất bại trong việc thỏa mãn nhu cầu. Khi nhu cầu bị vấp phải sự “đàn áp” hoặc không được đáp ứng thỏa đáng lập tức sẽ gây ra những xáo trộn trong tâm lý. Mức độ xáo trộn này tùy thuộc vào sự bức thiết và sức ép của việc thỏa mãn nhu cầu. Sự dồn nén của bản năng vô thức có thể dẫn đến chiều kích phản ứng tâm lý khác nhau, có thể đem cá nhân đạt đến sự thăng hoa, khởi nguồn cho sự phát triển tài năng và sáng tạo; hoặc để lại hậu quả rất tồi tệ, khi cơ chế phòng thủ bị vô hiệu trước sự đòi hỏi của nhu cầu dẫn đến chứng rối loạn tâm thần ở những mức độ khác nhau, mà một trong những biểu hiện của căn bệnh thần kinh thường gặp là: đồng tính luyến ái (tìm khoái lạc với người đồng giới -

đồng giới nam và đồng giới nữ), hành lạc với thú vật, hành lạc với trẻ nhỏ, thỏa mãn dục tính với người già, thỏa mãn dục tính với xác chết, thỏa mãn dục tính với các đồ vật, phô trương thân xác, bạo dâm, khổ dâm, v.v.. (Đinh Ngọc Thạch 2019: 82).

3. Kết luận

Khám phá vô thức của Freud có thể coi là một cuộc cách mạng của phân tâm học vào hệ thống tri thức triết học về con người, triết học tâm lý. Đóng góp to lớn trong lý thuyết về nhân cách con người của ông là đã mở ra một hướng đi hoàn toàn mới mẻ trong việc nghiên cứu con người và cách thức giải phóng con người khi mà những đe dọa, những định chế từ cuộc sống vốn gây ra cho tâm trí quá nhiều tổn thương bằng việc “kéo” con người về vị trí khiêm tốn hơn, “trả lại” cho họ cái bản nhiên vốn có: không phải ý thức, mà ngược lại nhân cách con người chủ yếu được quyết định bởi dục tính và vô thức. Mặc dù còn không ít những tranh luận trái chiều trất gay gắt, phân tâm học của Freud đã có sự ảnh hưởng sâu rộng không chỉ dưới góc độ học thuật mà cả ở khía cạnh thực tiễn tâm lý học hiện đại. Dù thừa nhận hay chối bỏ học thuyết Freud thì hiện nay tất cả những bệnh viện tâm thần đều sử dụng những yếu tố và những nguyên lý cơ bản trong phân tâm học của ông

(Freud 2002: 15), không chỉ lĩnh vực y học, mà khi đề cập đến hầu hết các phạm trù tâm lý học ngày nay, trong đó có tâm lý học tội phạm, người ta không thể quên được tên ông, vị bác sĩ tâm thần người Áo, gốc Do Thái với tư cách người mở đường này.

Tài liệu trích dẫn

1. Đinh Ngọc Thạch. 2019. *Giáo trình triết học phương Tây hiện đại*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp.
2. Lưu Phóng Đồng. 1994. *Triết học phương Tây hiện đại*, tập 4. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
3. Phạm Minh Lăng. 2000. *S.Freud và tâm phân học*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa - Thông tin và Trung tâm Văn hóa và Ngôn ngữ Đông Tây.
4. Phạm Minh Lăng. 2004. *Frued và phân tâm học*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
5. Phương Lưu. 2007. *Lý luận phê bình văn học phương Tây thế kỷ XX*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
6. Robert S. Feldman. 2003. *Những Điều Trọng Yếu Trong Tâm Lý Học*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
7. Roberts. 2004. *Tâm lí học căn bản* (Nguyễn Đức Minh - Hồ Kim Chung biên dịch). Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
8. S.Freud. 2002. *Phân tâm học nhập môn* (Nguyễn Xuân Hiến dịch). Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia.